

# CHIẾN LƯỢC CHIA BUỒN TRONG TIẾNG VIỆT TRƯỚC SỰ QUÁ ĐÒI CỦA CÁC NGUYÊN THỦ QUỐC GIA: PHÂN TÍCH LỜI GHI SỔ TANG CỦA LÃNH ĐẠO CẤP CAO

Trần Văn Thuật<sup>1</sup>

Email: thuattv@hou.edu.vn, ORCID: 0009-0009-5274-5155

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 15/03/2026. Ngày phản biện đánh giá: 15/05/2026.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 01/06/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1272

**Tóm tắt:** Dựa trên khung phân tích của Alemi và cộng sự (2021) và Morrow (2023), bài viết khảo sát đặc điểm ngữ dụng của 153 câu (trong 30 lời ghi sổ tang) dành cho các nguyên thủ quốc gia Việt Nam. Kết quả từ 396 lượt chiến lược cho thấy sự cân bằng giữa nhóm trực tiếp (51,52%) và gián tiếp (48,48%), với vai trò hạt nhân của chiến lược “Sử dụng danh xưng” (34,09%). Nghiên cứu phát hiện sự dịch chuyển dụng học: diễn ngôn gạt bỏ sự bi lụy cá nhân để tôn vinh di sản và thiết lập các động lệnh cam kết tiếp nối. Qua đó, bài viết khẳng định sổ tang là một diễn ngôn thể chế phức hợp nhằm kiến tạo ký ức tập thể, phản ánh đậm nét nghệ thuật xoa dịu, đạo lý truyền thống và bản sắc ý thức hệ Việt Nam.

**Từ khóa:** chiến lược chia buồn, sổ tang, diễn ngôn thể chế, nguyên thủ quốc gia

## I. Đặt vấn đề

Theo Searle (1969), chia buồn là một hành vi biểu cảm. Tuy nhiên, trong không gian Quốc tang, lời ghi sổ tang đã vượt giới hạn giao tiếp cá nhân để trở thành diễn ngôn mang tính đại diện thể chế. Mặc dù hành vi này đã được khảo sát rộng rãi (Elwood, 2004; Đinh, 2014), các nghiên cứu trước đây chủ yếu chỉ giới hạn ở phạm vi đời thường. Sự thiếu vắng các công trình bóc tách diễn ngôn sổ tang ở không gian chính trị vĩ mô là một khoảng trống học thuật cần được quan tâm nghiên cứu. Bài viết này bước đầu góp phần thu hẹp khoảng trống đó, qua đó cung cấp thêm cứ liệu thực tế để làm phong phú lý thuyết ngữ dụng và

làm rõ hơn một số đặc trưng của tiếng Việt chính luận trong bối cảnh đặc thù.

Từ cơ sở đó, nghiên cứu tập trung trả lời câu hỏi trọng tâm: Các lãnh đạo cấp cao Việt Nam kết hợp những chiến lược ngôn từ nào để ghi sổ tang các nguyên thủ quốc gia?

Nghiên cứu hướng tới hai mục tiêu cụ thể:

(1) Nhận diện và phân loại hệ thống chiến lược chia buồn trong lời ghi sổ tang.

(2) Phân tích cơ chế vận hành ngữ dụng để làm rõ cách ngôn từ phản ánh bản sắc văn hóa Á Đông và khẳng định ý thức hệ chính trị.

<sup>1</sup> Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

## II. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Nghiên cứu về hành vi chia buồn đã dịch chuyển từ giao tiếp cá nhân (Elwood, 2004; Đinh, 2014; Nguyễn, 2020; Alemi & cộng sự, 2021) sang diễn ngôn thể chế vĩ mô. Trên thế giới, số tang nguyên thủ không còn đơn thuần là biểu đạt cảm xúc, mà là công cụ kiến tạo ký ức tập thể và tái khẳng định lý tưởng chính trị (Fenton-Smith, 2007; Mentari & Susiati, 2024). Tuy nhiên, việc bóc tách chiến lược ngôn từ của giới lãnh đạo Việt Nam tại các kỳ Quốc tang vẫn là một khoảng trống học thuật đáng lưu ý. Bài viết này bước đầu góp phần thu hẹp khoảng trống đó, nhằm cung cấp thêm cứ liệu nhận diện các mô thức biểu cảm thể chế và làm rõ hơn đặc trưng của tiếng Việt chính luận.

### 2.2. Hành vi chia buồn

#### 2.2.1. Khái niệm

Dưới góc độ ngữ dụng học, chia buồn được định hình từ Lý thuyết Hành động Ngôn từ (Austin, 1962; Searle, 1969) như một hành vi biểu cảm nhằm bộc lộ trạng thái tâm lý và sự thấu cảm trước mất mát của người khác. Tuy nhiên, trong các bối cảnh giao tiếp mang tính nghi thức, hành vi này đã vượt khỏi giới hạn sẻ chia cá nhân để đảm nhiệm các chức năng mang tính xã hội sâu sắc: xoa dịu tổn thương, hàn gắn cộng đồng và củng cố các mối quan hệ chính trị - ngoại giao (Zunin & Zunin, 1991).

#### 2.2.2. Phân loại chiến lược chia buồn

Sự phân chia hành vi thành “trực tiếp” và “gián tiếp” được nền tảng hóa từ Lý thuyết Hành động Ngôn từ (Searle, 1969) và Lý thuyết Lịch sự (Brown & Levinson, 1987). Kết hợp khung phân tích của Alemi

và cộng sự (2021) và Morrow (2023), nghiên cứu phân loại chiến lược thành hai nhóm với cơ sở nhận diện rõ ràng:

- Nhóm Trực tiếp: Được nhận diện qua sự tường minh của lực ngôn hành. Cấu trúc từ vựng - cú pháp bề mặt khớp hoàn toàn với mục đích giao tiếp, thể hiện qua các động từ ngôn hành trực diện (xin chia buồn, thương tiếc) hoặc xác nhận thẳng thừng tại khách quan.

- Nhóm Gián tiếp: Được nhận diện qua cơ chế hàm ngôn và chiến lược bảo vệ thể diện. Người viết tránh nhắc trực diện đến cái chết, thay vào đó sử dụng uyển ngữ, ngôn từ xung tụng và các cam kết chính trị mang tính quy thức.

#### 2.2.3. Vai trò dụng học của chiến lược trực tiếp và gián tiếp

Sự đan xen hai nhóm chiến lược này trong diễn ngôn số tang là một thủ pháp dụng học có chủ đích:

- Chiến lược trực tiếp: Thiết lập âm hưởng trang nghiêm, đảm bảo tính hiệu lực của nghi thức ngoại giao bằng việc hoàn thành nghĩa vụ cốt lõi: xác nhận mất mát và bộc lộ sự thấu cảm tức thời.

- Chiến lược gián tiếp: Thực hiện chức năng xoa dịu, giảm nhẹ mức độ của một hành vi đe dọa thể diện. Trong bối cảnh thể chế, nhóm này mang ý nghĩa định hình văn bản: gạt bỏ sự bi lụy cá nhân để tôn vinh di sản, chuyển hóa nỗi đau thành sức mạnh đoàn kết và cam kết tiếp nối lý tưởng.

## III. Phương pháp nghiên cứu

### 3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này được triển khai dựa trên cách tiếp cận định tính là chủ đạo, kết hợp với các thao tác định lượng cơ bản. Cách tiếp cận định tính cho phép đi sâu

vào phân tích đặc trưng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp của hành vi ngôn từ, trong khi thao tác định lượng hỗ trợ thống kê, xác định mức độ phổ biến của các chiến lược ngôn ngữ.

### 3.2. Nguồn dữ liệu và phương pháp thu thập

Ngữ liệu nghiên cứu bao gồm 153 câu trong 30 lời ghi trong sổ tang của lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước và các Bộ ban ngành dành cho ba vị nguyên thủ: Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Cố Chủ tịch nước Trần Đại Quang và Cố Tổng bí thư Đỗ Mười.

Dữ liệu được thu thập từ các cơ quan báo chí chính thống (Công Thông tin điện tử Chính phủ, Báo Chính phủ, Báo Nhân Dân, Báo Dân trí). Đặc biệt, để đảm bảo độ nguyên bản và xác thực tuyệt đối, nghiên cứu ưu tiên thu thập và đối chiếu với hình ảnh chụp các bản viết tay gốc có chữ ký, nhằm loại bỏ hoàn toàn rủi ro

sai lệch từ quá trình biên tập, đánh máy lại của truyền thông.

### 3.3. Quy trình và phương pháp phân tích dữ liệu

Để giải quyết các mục tiêu nghiên cứu, toàn bộ ngữ liệu được xử lý nghiêm ngặt qua 4 bước:

Bước 1 - Số hóa và xác thực: Chuyển tự nguyên trạng ảnh chụp sổ tang viết tay và đối chiếu chữ ký để minh định chủ thể phát ngôn.

Bước 2 - Phân loại và gán nhãn: Ứng dụng Lý thuyết Hành động Ngôn từ (Searle, 1969) và khung phân tích chiến lược chia buồn (Alemi & cộng sự, 2021; Morrow, 2023) để chia nhỏ phát ngôn thành các đơn vị phân tích.

Bước 3 - Mã hóa hệ thống: Thiết lập bảng mã hóa để nhận diện các chiến lược dựa trên hệ thống từ khóa và cấu trúc từ vựng - ngữ pháp đặc trưng.

Bước 4 - Thống kê và phân tích dữ liệu.

Bảng 1. Bảng mã hóa nhận diện các chiến lược chia buồn trong sổ tang

Nhóm	Mã	Tên chiến lược	Nhận diện	Ví dụ
<b>Trực tiếp (DS)</b>	DS1	Ghi nhận sự mất mát	Uyển ngữ chỉ sự qua đời/ tồn thất.	<i>Sự ra đi ... là một mất mát to lớn...</i>
	DS2	Bày tỏ sự thương cảm	Từ ngữ bộc lộ cảm xúc đau buồn.	<i>Vô cùng thương tiếc...</i>
	DS3	Lời chia buồn trực tiếp	Cấu trúc ngôn hành tường minh.	<i>Xin gửi lời chia buồn sâu sắc nhất...</i>
	DS4	Sử dụng danh xưng	Từ xưng hô thể hiện sự kính trọng/ thân sơ.	<i>Kính chúc Anh/ đồng chí...</i>
<b>Gián tiếp (IS)</b>	IS1	Ghi nhận phẩm chất	Từ ngữ ca ngợi đạo đức, công hiến...	<i>...nhà lãnh đạo đặc biệt xuất sắc, kiên trung.</i>
	IS2	Hồi tưởng kỷ niệm	Nhắc lại chặng đường công tác, lời dặn dò.	<i>Trong cuộc đời công tác hơn 40 năm...</i>
	IS3	Cầu mong sự thanh thản	Lời cầu chúc yên nghỉ, siêu thoát.	<i>Kính mong ... yên giấc ngàn thu...</i>
	IS4	Bày tỏ tình cảm/sự gắn bó	Từ ngữ nhấn mạnh tình đồng chí, anh em.	<i>Người con yêu quý...</i>
	IS5	Bày tỏ lòng biết ơn	Lời tri ân, ghi nhớ công lao.	<i>Chúng tôi sẽ mãi ghi nhớ những đóng góp...</i>
	IS6	Bày tỏ sự bàng hoàng	Từ ngữ diễn tả cú sốc.	<i>Sự ra đi đột ngột...</i>
	IS7	Khẳng định sự tiếp nối	Động từ cam kết noi gương, tiếp bước.	<i>...nguyện làm hết sức mình công hiến...</i>
	IS8	Động viên tang quyến	Lời an ủi hướng đến gia đình.	<i>Mong gia đình sớm vượt qua...</i>

## IV. Kết quả nghiên cứu

### 4.1. Các chiến lược chia buồn trong lời ghi sổ tang

Bảng 2. Tần suất được sử dụng của các chiến lược chia buồn

Nhóm chiến lược	Mã số	Số lượng	Tỷ lệ (%)
DS		<b>204</b>	<b>51,52</b>
	DS1	19	4,80
	DS2	34	8,59
	DS3	16	4,04
	DS4	135	34,09
IS		<b>192</b>	<b>48,48</b>
	IS1	60	15,15
	IS2	15	3,79
	IS3	18	4,55
	IS4	12	3,03
	IS5	11	2,78
	IS6	1	0,25
	IS7	53	13,38
IS8	22	5,56	
<b>TỔNG</b>		<b>396</b>	<b>100,00</b>

Phân tích 153 câu ghi sổ tang (với 396 lượt chiến lược, trung bình 2,5 chiến lược/lời) cho thấy sự phân bổ cân bằng giữa nhóm Trực tiếp (51,52%) và Gián tiếp (48,48%). Tỷ lệ này phản ánh tư duy nhị nguyên của người Việt: vừa trực diện xác nhận sự mất mát, vừa linh hoạt sử dụng lối nói gián tiếp nhằm tránh kiêng kỵ, bảo vệ thể diện và vinh danh người đã khuất.

#### 4.2. Nhóm chiến lược chia buồn trực tiếp (DS)

##### 4.2.1. Chiến lược Ghi nhận sự mất mát (DS1)

Khảo sát cho thấy DS1 xuất hiện 19 lượt (4,80%), thực thi chức năng xác nhận thực tại khách quan. Về mặt dụng học, người viết sử dụng triệt để các uyển ngữ nhằm tuân thủ nguyên tắc lịch sự, giảm thiểu sự đe dọa thể diện và né tránh yếu tố kiêng kỵ về cái chết. Sự kiện sinh học

được danh hóa qua các cụm từ trang trọng như *sự ra đi, từ trần*.

(1) “*Đồng chí **mất đi** là một tổn thất to lớn đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta...*” (ĐM6)

(2) “***Sự ra đi** đột ngột của đồng chí là một tổn thất lớn đối với Đảng, Nhà nước, Chính phủ...*” (VĐQ6)

##### 4.2.2. Chiến lược Bày tỏ sự thương cảm (DS2)

Chiến lược DS2 ghi nhận 34 lượt xuất hiện, đóng vai trò là hành vi bộc lộ trực tiếp trạng thái cảm xúc. Về cấu trúc văn bản, DS2 thường chiếm vị trí mở đầu nhằm ngay lập tức thiết lập âm hưởng bi ai, trang nghiêm. Đặc trưng cú pháp là việc sử dụng các cụm từ mang tính công thức, kết hợp động từ/tính từ chỉ cảm xúc với trạng từ chỉ mức độ cực đại.

(3) “***Vô cùng thương tiếc** đồng chí Nguyễn Phú Trọng - Người con yêu quý của dân tộc Việt Nam...*” (NPT1)

(4) “*Với lòng tiếc thương vô hạn, xin kính cẩn nghiêng mình trước anh linh đồng chí Đỗ Mười...*” (ĐM1)

Về ngữ pháp, DS2 nổi bật với cấu trúc đảo ngữ đưa trạng từ mức độ cực đại lên đầu câu (VD: *Vô cùng thương tiếc...*). Thủ pháp này ẩn đi cái “tôi” cá nhân để khách quan hóa diễn ngôn, khiến cảm xúc bị ai trở nên trang nghiêm và bao trùm toàn bộ không gian văn bản.

4.2.3. Chiến lược Lời chia buồn trực tiếp (DS3)

Mặc dù là hành động ngôn hành tường minh mang đúng tên gọi của thể loại văn bản, DS3 chỉ xuất hiện 16 lượt (4,04%). Trái ngược với các chiến lược khác hướng về người đã khuất, DS3 đánh dấu sự chuyển hướng chú ý sang đối tượng tiếp nhận là tang quyến.

(5) “[...], *xin gửi đến gia đình đồng chí lời chia buồn sâu sắc nhất trước mắt mắt không gì bù đắp được.*” (NPT2)

(6) “*Xin thành kính chia buồn cùng toàn thể gia quyến bác Đỗ Mười.*” (ĐM4)

4.2.4. Chiến lược Sử dụng danh xưng (DS4)

Kết quả phân tích chỉ ra sự lựa chọn danh xưng thực hiện một chức năng ngữ dụng kép: Một mặt, hệ thống chức danh và từ “*Đồng chí*” được sử dụng để kiến tạo không gian quyền lực, khẳng định vị thế chính trị và sự tôn kính tuyệt đối. Mặt khác, các từ xưng hô thân tộc như “*Bác*”, “*Anh*” được đan xen nhằm rút ngắn khoảng cách, bộc lộ tình cảm gần gũi ruột thịt giữa những người lãnh đạo và nhân dân.

(7) “*Vô cùng thương tiếc kính biệt đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng...*” (NPT2)

(8) “*Bác Đỗ Mười ơi, thế hệ đi sau mãi mãi ghi nhớ công ơn của bác.*” (ĐM1)

4.3. Nhóm chiến lược chia buồn gián tiếp (IS)

4.3.1. Chiến lược Ghi nhận phẩm chất (IS1)

Đạt tần suất cao nhất, IS1 là trọng tâm định hình tính chất «tổng kết lịch sử» của sổ tang cấp cao. Về mặt dụng học, người viết tạm gác lại góc độ cá nhân để đóng vai trò đại diện tập thể, đưa ra những đánh giá mang tính xung tưng tuyệt đối. Chiến lược này thường được triển khai qua cấu trúc liệt kê đẳng lập với chuỗi cụm danh từ/ tính từ đồng vị dày đặc (VD: *nhà lãnh đạo xuất sắc, người đảng viên kiên trung*). Việc lặp lại liên tiếp các cấu trúc tương đồng giúp kéo giãn nhịp câu, tạo lớp lang ngôn ngữ trang trọng để suy tôn trọn vẹn di sản của người đã khuất.

(9) “*...nhà lãnh đạo đặc biệt xuất sắc, người Đảng viên Đảng cộng sản kiên trung, một tâm gương sáng ngời [...] có nhiều công lao và cống hiến to lớn...*” (NPT1).

4.3.2. Chiến lược Hồi tưởng kỷ niệm (IS2)

Nhằm gia tăng sức nặng thực chứng cho chiến lược vinh danh (IS1), người viết huy động IS2 để điểm lại những cột mốc hoặc dấu ấn quá khứ. Cấu trúc thường mở đầu bằng các trạng ngữ chỉ thời gian kéo dài như “*Trong suốt cuộc đời hoạt động...*”, “*Sinh thời...*” nhằm nhấn mạnh sự cống hiến bền bỉ.

(10) “*Trong cuộc đời công tác hơn 40 năm của mình, Đồng chí Trần Đại Quang luôn tận tụy, trách nhiệm...*” (VĐQ1)

(11) “*Đồng chí đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng cán bộ, đảng viên và Nhân dân, bạn bè quốc tế!*” (NPT2).

#### 4.3.3. Chiến lược Cầu mong sự thanh thản (IS3)

IS3 đưa chiều kích tâm linh vào diễn ngôn chính trị. Bằng các động từ ngôn hành cầu chúc (*mong, kính chúc*), sự qua đời được thi vị hóa thành một “giấc ngủ” dài hay sự thăng hoa về một cõi không gian khác (*cõi vĩnh hằng*), giúp làm dịu đi cảm giác đau đớn về thể xác.

(12) “*Kính chúc Anh **ngủ một giấc bình an cõi vĩnh hằng!***” (VĐQ3).

(13) “*Xin thấp nén hương thơm tiễn đưa bác về nơi **yên nghỉ vĩnh hằng.***” (ĐM1).

#### 4.3.4. Chiến lược Bày tỏ tình cảm/ sự gắn bó (IS4)

Chiến lược IS4 xóa nhòa khoảng cách quyền lực chính trị để làm nổi bật tình cảm thân tộc, máu thịt. Đặc trưng ngôn ngữ là việc sử dụng các định ngữ sở hữu hoặc tính từ chỉ sự gần gũi như *yêu quý, kính mến, người con của...*

(14) “*Vô cùng thương tiếc đồng chí Nguyễn Phú Trọng - **Người con yêu quý của dân tộc Việt Nam...***” (NPT1).

(15) “*...đoàn đại biểu [...] kính cẩn nghiêng mình vĩnh biệt **đồng chí Tổng Bí thư kính mến...***” (NPT3).

#### 4.3.5. Chiến lược Bày tỏ lòng biết ơn (IS5)

Chiến lược IS5 thường đi kèm với cụm từ cố định khẳng định sự trường tồn của giá trị, phản ánh đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của người Việt. Các động từ *ghi nhớ, tri ân* thường kết hợp với trạng từ chỉ sự vĩnh cửu *mãi mãi, đời đời*.

(16) “*Tên tuổi sự nghiệp, nhân cách và những cống hiến [...] **mãi mãi lưu danh trong lịch sử hào hùng của dân tộc...***” (NPT1).

(17) “*Thế hệ đi sau **mãi mãi ghi nhớ công ơn của bác.***” (ĐM1).

#### 4.3.6. Chiến lược Bày tỏ sự bàng hoàng (IS6)

Đây là chiến lược xuất hiện ít nhất. Việc gần như loại bỏ hoàn toàn cảm xúc sốc tâm lý bộc phát (đột ngột, bàng hoàng) cho thấy sở tang cấp cao là diễn ngôn mang tính nghi thức, đã trải qua sự chuẩn bị kỹ lưỡng về lý trí để ưu tiên không gian cho sự trang nghiêm và tôn kính.

(18) “***Sự ra đi đột ngột của đồng chí là một tổn thất lớn...***” (VĐQ6).

#### 4.3.7. Chiến lược Khẳng định sự tiếp nối (IS7)

IS7 là một động lệnh mang tính cam kết chính trị. Đặc trưng ngữ pháp của IS7 là các câu khuyết chủ ngữ, mở đầu bằng động từ chỉ ý chí (*nguyện, quyết tâm*) đi kèm chuỗi động từ hành động hướng đích liên tiếp (*noi gương, đoàn kết, nỗ lực*). Các động từ này tạo tính liên kết tuyến tính, chuyển hóa văn bản từ trạng thái tĩnh của sự bi ai sang trạng thái động của các cam kết chính trị, khẳng định sự diệt vong sinh học không làm đứt gãy mạch nối tư tưởng.

(19) “***Nguyện mãi mãi học tập và noi theo tấm gương hết lòng vì nước, vì dân của Đồng chí.***” (ĐM6).

(20) “***...chúng tôi nguyện noi gương, đoàn kết, thống nhất, chung sức đồng lòng, quyết tâm cao, nỗ lực lớn...***” (NPT2).

#### 4.3.8. Chiến lược Động viên tang quyến (IS8)

IS8 trực tiếp làm nhiệm vụ xoa dịu tâm lý người ở lại. Khác với DS3 chỉ dừng ở việc xưng danh hành vi, IS8 tiến xa hơn bằng cách cung cấp một liệu pháp tinh thần cụ thể.

(21) “Mong gia đình sớm vượt qua nỗi đau thương, mất mát lớn lao này.” (NPT3).

(22) “Xin gửi đến toàn thể gia quyến lời chia buồn sâu sắc nhất trước nỗi đau thương mất mát vô cùng to lớn này.” (ĐM6).

## V. Thảo luận

Kết quả phân tích 153 lời ghi sổ tang cho thấy hành vi chia buồn nguyên thủ quốc gia đã vượt khỏi giới hạn biểu cảm cá nhân, bộc lộ 3 đặc trưng dụng học cốt lõi:

*Kiến tạo ký ức và tính ý thức hệ:* Khác với giao tiếp đời thường, diễn ngôn sổ tang vắng bóng sự bi lụy (IS6: 0,25%), ưu tiên vinh danh phẩm chất (IS1: 15,15%). Sổ tang trở thành diễn ngôn công cộng nhằm kiến tạo ký ức tập thể và tái khẳng định tính chính danh của chế độ (Fenton-Smith, 2007; Mentari & Susiati, 2024).

*Dấu ấn văn hóa qua định danh “kép”:* Vượt ra khỏi các khung phân tích phương Tây, nghiên cứu phát hiện sự áp đảo của chiến lược Định danh (DS4: 34,09%). Việc đan xen chức danh quyền lực (Đồng chí) và xung hô thân tộc (Bác, Anh) giúp kéo gần không gian chính trị vĩ mô về không gian gia đình vi mô. Cùng với yếu tố tâm linh (IS3), đây là cách thức xoa dịu nỗi đau đặc thù của người Á Đông.

*Tái cấu trúc thành động lệnh chính trị:* Chiến lược “hướng tới tương lai” được nâng tầm thành cam kết tiếp nối (IS7). Phát hiện quan trọng này cho thấy diễn ngôn chia ly đã được tái cấu trúc thành “biến đau thương thành hành động”, nhằm hàn gắn xã hội và đảm bảo sự liên mạch tư tưởng.

## VI. Kết luận

Khảo sát 153 câu ghi sổ tang nguyên thủ quốc gia cho thấy sự cân bằng giữa chiến lược chia buồn trực tiếp và gián tiếp. Điểm nhấn cốt lõi là sự thống trị của chiến lược Định danh (34,09%) với việc đan xen chức danh thể chế và xung hô thân tộc, cùng sự dịch chuyển từ biểu cảm bi lụy cá nhân sang tôn vinh di sản và cam kết tiếp nối.

Kết quả này bước đầu góp phần thu hẹp khoảng trống nghiên cứu ngữ dụng học tiếng Việt ở không gian thể chế. Qua đó, nghiên cứu cho thấy sổ tang không chỉ là văn bản biểu cảm mà còn mang đặc trưng của một diễn ngôn lịch sử - chính trị phức hợp, góp phần phản ánh nghệ thuật xoa dịu, đạo lý truyền thống và bản sắc ý thức hệ Việt Nam.

Do giới hạn ở ngữ liệu truyền thống, các nghiên cứu tương lai có thể mở rộng hướng đối chiếu liên văn hóa (với phương Tây) hoặc khảo sát trên nền tảng sổ tang điện tử (digital mourning) để làm phong phú hệ thống lý thuyết dụng học trong thời đại số.

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài cấp Trường Đại học Mở Hà Nội, mã số MHN2026-02.50.

## Tài liệu tham khảo

- Alemi, M., Moakhar, N. P., & Rezanejad, A. (2021). A cross-cultural study of condolence strategies in a computer-mediated social network. *Russian Journal of Linguistics*, 25(2), 417-442. <https://doi.org/10.22363/2687-0088-2021-25-2-417-442>.
- Austin, J. L. (1962). *How to do things with words*. Oxford University Press.
- Đình, T. T. P. (2014). *Đặc điểm ngôn ngữ của diễn ngôn chia buồn tiếng Việt* [Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội].

- Elwood, K. (2004). *The speech act of condolence in English* [Doctoral dissertation, University of California, Los Angeles].
- Fenton-Smith, B. (2007). Diplomatic condolences: Ideological positioning in the death of Yasser Arafat. *Discourse & Society*, 18(6), 697-718.
- Nguyễn, T. B. H. (2020). *Hành vi chia buồn và hồi đáp lời chia buồn của người Việt (liên hệ với hành vi chia buồn và hồi đáp lời chia buồn của người Mỹ bằng tiếng Anh)* [Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQGHN].
- Mentari, P., & Susiati, S. (2024). A speech act analysis of condolence utterances for the death of Queen Elizabeth II in Facebook users. *Lire Journal (Journal of Linguistics and Literature)*, 8(1), 86-102. <https://doi.org/10.33019/lire.v8i1.248>.
- Morrow, P. R. (2023). Formulaic language in condolence books: A corpus-based pragmatic study. *Applied Linguistics*, 44(2), 215-235.
- Searle, J. R. (1969). *Speech acts: An essay in the philosophy of language*. Cambridge University Press.
- Zunin, L., & Zunin, H. S. (1991). *The art of condolence: What to write, what to say, what to do at a time of loss*. HarperCollins.

## CONDOLENCE STRATEGIES IN VIETNAMESE UPON THE PASSING OF HEADS OF STATE: AN ANALYSIS OF MESSAGES IN THE BOOK OF CONDOLENCES BY HIGH-RANKING LEADERS

Tran Van Thuat<sup>1</sup>

**Abstract:** Drawing on the analytical frameworks of Alemi et al. (2021) and Morrow (2023), this study investigates the pragmatic characteristics of 153 sentences (within 30 condolence messages) dedicated to Vietnamese heads of state. Results from 396 occurrences reveal a balance between direct (51.52%) and indirect (48.48%) strategies, with the strategy “Using addressing terms” serving as the core textual organizer (34.09%). Notably, the research identifies a profound pragmatic shift: the discourse eschews expressions of personal grief in favor of honoring legacies and employing commissive acts to pledge the continuation of ideals. Ultimately, this paper asserts that the book of condolences functions as a complex institutional discourse aimed at constructing collective memory, profoundly reflecting the sophisticated art of palliation, traditional moral values, and the ideological identity of Vietnam.

**Keywords:** condolence strategies, book of condolences, institutional discourse, heads of state.

---

<sup>1</sup> Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam